

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



GE2 - Unit 5: Let's measure - Vocabulary 2 & Starters Speaking

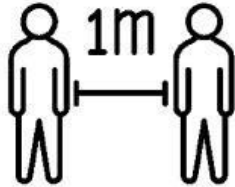
A. THEORY

I. VOCABULARY

❖ Numbers (Số đếm)

1 one (n) số một	2 two (n) số hai	3 three (n) số ba	4 four (n) số bốn	5 five (n) số năm
6 six (n) số sáu	7 seven (n) số bảy	8 eight (n) số tám	9 nine (n) số chín	10 ten (n) số mười

❖ Measures (Đơn vị đo lường)

 centimeter(s) (n) xăng-ti-mét	 meter(s) (n) mét
---	--

❖ HOMEWORK: Extra vocabulary

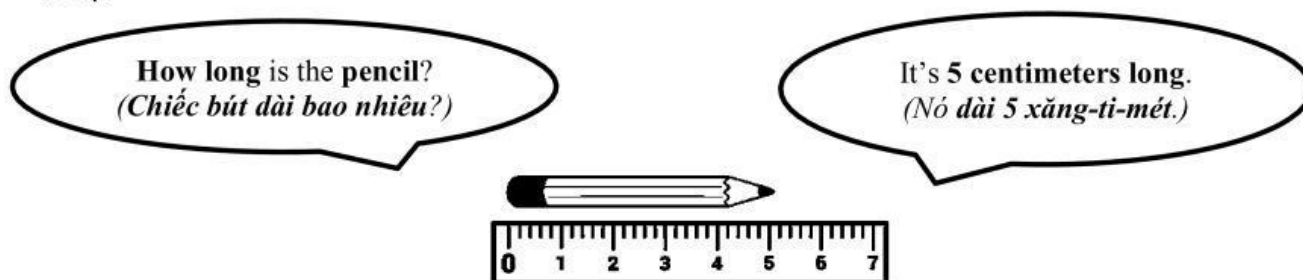
No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	T-shirt (n)	áo phông	3	living room (n)	phòng khách
2	bathroom (n)	phòng tắm	4	breakfast (n)	bữa sáng

II. STRUCTURE

- Cách dùng: để hỏi và trả lời về chiều dài của một vật thể.
- Công thức:

How long is the + N?
It's + (number) + centimeters long.

- Ví dụ:



***Note:** n/N = noun: danh từ.

***Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).**

B. HOMEWORK (20 questions)

Exercise 1. Fill in the blanks with the correct numbers. (Điền vào chỗ trống với chữ số đúng.)

0. six = 6

3. three =

1. seven =

4. ten =

2. one =

5. four =

Exercise 2. Calculate the sum of the numbers below and write the result in words.

(Tính tổng các số dưới đây và viết chữ hoàn chỉnh.)

0. three + five = eight

3. five + two =

1. nine + one =

4. two + four =

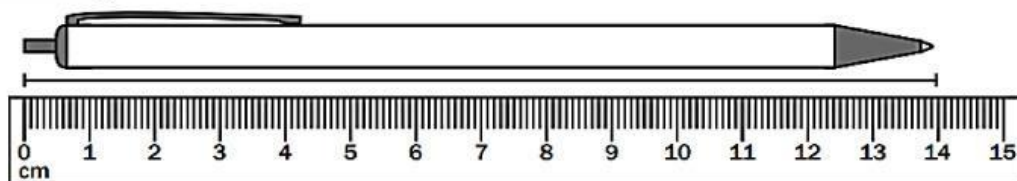
2. five + four =

5. one + one =

Exercise 3. Measure each object using the ruler shown. (Đo mỗi vật thể bằng thước kẻ đã cho.)

0. How long is the pen?

→ It's 14 centimeters long.



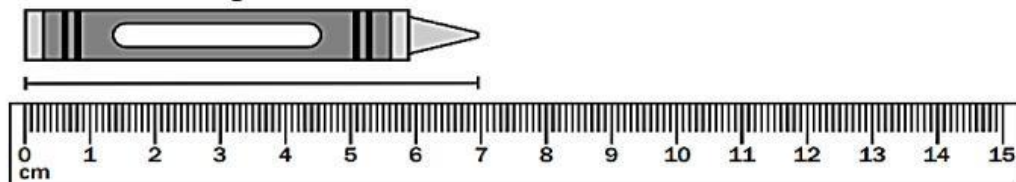
1. How long is the pin?

→ It's centimeters long.



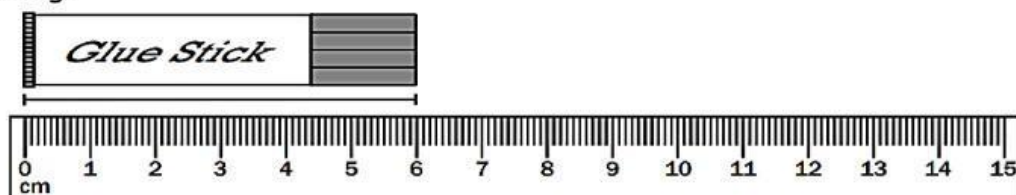
2. How long is the crayon?

→ It's centimeters long.



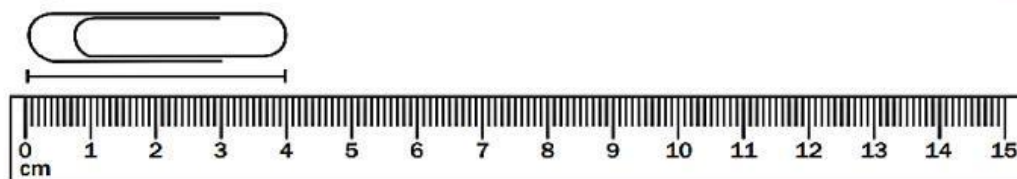
3. How long is the glue stick?

→ It's long.



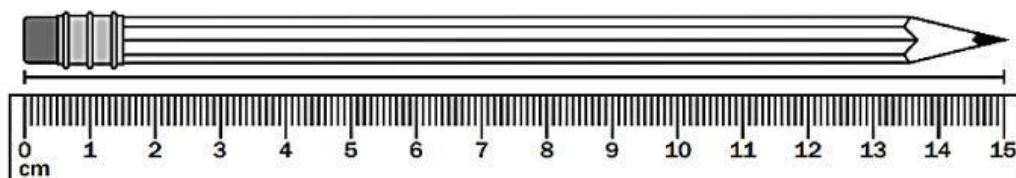
4. How long is the clip?

→ It's long.



5. How long is the pencil?

→



Exercise 4. Look, read and circle the correct answers. (Nhìn, đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

0.		Last weekend, we in the park. a. walk b. walked
1.		She to music after school yesterday. a. listened b. listen
2.		Where did you last summer? a. travelled b. travel
3.		How did they last weekend? a. danced b. dance
4.		We a movie yesterday evening. a. watched b. watch
5.		What did you last holiday? a. learned b. learn



CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

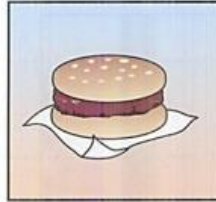
https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_w21_homework_starters-part-3

STARTERS PART 3 – 5 questions

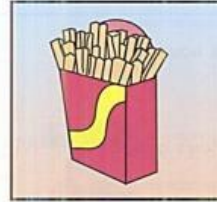
Listen and tick (✓) the box.



0. What's Pat's favourite food?



A ☐



B ☐



C ☒

1. Who is Ben's teacher?



A ☐

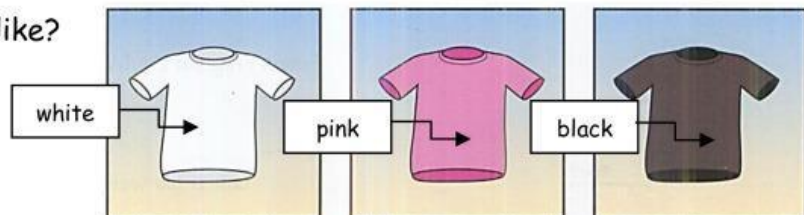


B ☐



C ☐

2. Which colour does Mum like?



A ☐

B ☐

C ☐

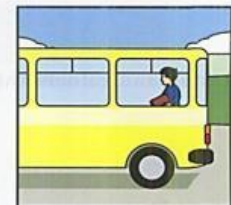
3. Which boy is Tom?



A ☐



B ☐



C ☐

4. Where are Kim's jeans?



A ☐

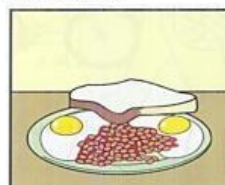


B ☐

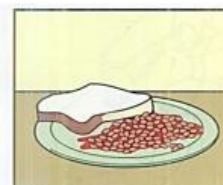


C ☐

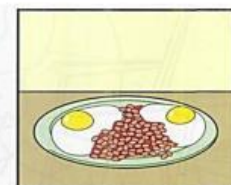
5. What does Bill want for his breakfast?



A ☐



B ☐



C ☐